

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm,
dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 của Công ty TNHH MTV
Khai thác Công trình thủy lợi tỉnh Đắk Nông**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 và 2023 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt kế hoạch diện tích được hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông; Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch diện tích được hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Kế hoạch tài chính năm 2022 cho Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 793/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 cho Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc giao dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022;



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông tại Tờ trình số 103/TTr-STC ngày 15/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi tỉnh Đắk Nông, cụ thể như sau:

- Diện tích được nghiệm thu: 47.209,493 ha.
- Kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 được quyết toán: 44.340.000.000 đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

- Nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 cho Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi tỉnh Đắk Nông:

- + Kinh phí quyết toán: 44.340.000.000 đồng.
- + Kinh phí đã được cấp: 40.765.000.000 đồng (tại Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông).
- + Kinh phí còn được bổ sung từ nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ: 3.575.000.000 đồng (44.340.000.000 đồng - 40.765.000.000 đồng).

Điều 2.

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi tỉnh Đắk Nông chịu trách nhiệm về số liệu nghiệm thu diện tích thực hiện năm 2022 được hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm về việc quyết toán kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi tỉnh Đắk Nông.

3. Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi tỉnh Đắk Nông chịu trách nhiệm về việc tổng hợp số liệu báo cáo quyết toán và tính pháp lý của các hồ sơ đã cung cấp cho Sở Tài chính.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa; Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi tỉnh Đắk Nông và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN, KT.

67

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trọng Yên



Phụ lục
QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ SỬ DỤNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH
THỦY LỢI NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số **1288**/QĐ-UBND ngày **09** /10/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Stt	Nội dung	Đơn giá (đồng/ha/vụ)	QUYẾT TOÁN NĂM 2022	
			Diện tích (ha)	Kinh phí (đồng)
1	Lúa		7.553,160	9.821.276.607
1.1	Vụ Đông Xuân		3.890,510	5.038.587.687
	- Trọng lực chủ động	1.140.000	2.651,688	3.022.924.320
	- Động lực chủ động	1.629.000	1.236,795	2.014.739.055
	- Trọng lực tạo nguồn	456.000	2,027	924.312
1.2	Vụ Hè Thu (Vụ mùa)		3.541,950	4.614.552.870
	- Trọng lực chủ động	1.140.000	2.357,681	2.687.756.340
	- Động lực chủ động	1.629.000	1.182,242	1.925.872.218
	- Trọng lực tạo nguồn	456.000	2,027	924.312
1.3	Vụ Thu Đông		120,700	168.136.050
	- Trọng lực chủ động	1.140.000	58,250	66.405.000
	- Động lực chủ động	1.629.000	62,450	101.731.050
2	Cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, dược liệu		34.325,983	31.458.803.767
2.1	Vụ Đông Xuân		32.229,453	29.546.768.407
	- Tưới trọng lực chủ động	912.000	31.837,052	29.035.391.424
	- Tưới động lực chủ động	1.303.200	392,401	511.376.983
2.2	Vụ Hè Thu (Vụ mùa)		2.096,530	1.912.035.360
	- Tiêu trọng lực	912.000	2.096,530	1.912.035.360
3	Mạ, rau màu và cây công nghiệp ngắn ngày		5.124,500	2.545.606.296
3.1	Vụ Đông Xuân		2.880,931	1.458.471.812
	- Trọng lực chủ động	456.000	2.140,812	976.210.272
	- Động lực chủ động	651.600	740,119	482.261.540
3.2	Vụ Hè Thu (Vụ mùa)		2.243,569	1.087.134.484
	- Tưới trọng lực chủ động	456.000	1.815,731	827.973.336
	- Tưới động lực chủ động	651.600	327,541	213.425.716
	- Tiêu trọng lực	456.000	100,297	45.735.432
4	Thủy sản	2.500.000	205,850	514.625.000
TỔNG			47.209,493	44.340.311.670
LÀM TRÒN				44.340.000.000

2